

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 09/01/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-DS ngày 18/10/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 21/2019/QĐST-DS ngày 18/11/2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1966;

2/ Bà Lê Kim T, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp U, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: 2.1/ Ông Nguyễn Thành L, sinh năm: 1978;

2.2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.3/ Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

3.2/ Ông Nguyễn Phong E, sinh năm: 1984;

3.3/ Ông Nguyễn Minh P, sinh năm: 1982;

3.4/ Bà Nguyễn Thị Tuyên E, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa có mặt ông S, bà T, bà H, các đương sự còn lại vắng mặt, ông Nguyễn Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Kim T và ông Nguyễn Hoàng S trình bày:

Vào ngày 07/4/2017, ông L, bà H, ông S có vay của bà T, ông S số tiền 500.000.000đ, trong đó phần ông L và bà H là 250.000.000đ, phần ông S là 250.000.000đ, thỏa thuận mỗi tháng trả 30.000.000đ. Khi vay có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị B (là mẹ ruột bà H, ông S) đứng tên cho bà T, ông S để làm tin.

Từ khi vay đến nay ông S, bà H và ông L mới trả được 115.000.000đ, số tiền còn lại mặc dù đã nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn chưa trả. Do đó, bà T, ông S khởi kiện yêu cầu ông S, bà H, ông L, bà T có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 385.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T, ông S chỉ yêu cầu ông S, bà H, ông L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 385.000.000đ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà B đứng tên thì giữ chỉ để làm tin; bà T, ông S không yêu cầu giải quyết đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang quản lý.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 07/4/2017 là của bà. Tuy nhiên, đây là tổng số của các khoản tiền góp, không phải tiền vay như lời trình bày của bà T, ông S. Hiện nay, bà thừa nhận số tiền nợ là 385.000.000đ, tuy nhiên bà xin trả dần do hiện nay hoàn cảnh gia đình quá khó khăn.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà B đứng tên, trước đây chị em bà đưa cho bà T, ông S để làm tin. Hiện nay, bà không yêu cầu giải quyết, sau này nếu cần thiết thì giữa bà với bà T, ông S sẽ tự thỏa thuận với nhau sau.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh S vắng mặt tại phiên tòa.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông S trình bày: *“Thừa nhận số tiền nợ 385.000.000đ và thống nhất cùng chị H trả cho ông S, bà T. Tuy nhiên, xin trả dần mỗi tháng làm dư được bao nhiêu sẽ gửi cho chị H trả nợ”*. Mọi ý kiến bà H nêu ra trong quá trình giải quyết vụ án ông đều thống nhất.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành L; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Phong E, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Tuyền E vắng mặt.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Thành L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Phong E, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Tuyền E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà T, ông S.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Tòa án đã yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà T, ông S khởi kiện yêu cầu bà H, ông L, ông S có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ và bị đơn cư trú tại địa bàn xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh S có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành L (là chồng bà H), đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: bà T, ông S yêu cầu bà H, ông L, ông S có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 385.000.000đ. Căn cứ để bà T, ông S yêu cầu là các giấy mượn tiền ngày 07/4/2017.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[3] Về số tiền vay 385.000.000đ: Bà H cho rằng là tổng các khoản tiền góp trước đây còn nợ bà T, ông S. Tuy nhiên, bà không có chứng cứ để chứng minh số tiền 385.000.000đ là tiền góp; bà T, ông S không thừa nhận. Mặt

khác, bà H và ông S đều thừa nhận còn nợ bà T, ông S số tiền 385.000.000đ; tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần. Qua lời trình bày của bà H, ông S có đủ căn cứ xác định hợp đồng vay tiền giữa các bên đương sự là có thật.

[4] Về trách nhiệm trả tiền: Bà T, ông S khởi kiện yêu cầu bà H, ông L, ông S cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 385.000.000đ. Tại phiên tòa bà H thừa nhận nợ, đồng thời bà H trình bày ông L (là chồng của bà H) biết về số tiền nợ, có lẫn tay vào giấy cam kết trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vắng mặt và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, có đủ căn cứ buộc bà H, ông L, ông S có trách nhiệm liên đới trả bà T, ông S số tiền 385.000.000đ.

[5] Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị B đứng tên: Do các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của bà T, ông S được chấp nhận nên bà H, ông L, ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 288, Điều 463, Điều 466 Luật dân sự;
- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 6, Điều 9 và điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T, ông Nguyễn Hoàng S đối với ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh S.

2/ Buộc Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Kim T, ông Nguyễn Hoàng S số tiền 385.000.000đ (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới nộp 19.250.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông L, bà H, ông S thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Kim T, ông Nguyễn Hoàng S được nhận lại 9.625.000đ (Chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo các biên lai số 0005520 ngày 12/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang